

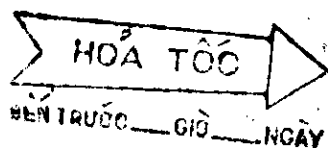
**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6136** /UBND-KTN

Bình Định, ngày **24** tháng 12 năm 2015

V/v bố trí ngân sách địa phương đối ứng  
để thực hiện các Chương trình, Dự án và  
mua vaccine các loại tiêm phòng phòng  
chống dịch bệnh động vật năm 2016



Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 4407/SNN-KH ngày 16/12/2015 và Văn bản số 4477/SNN-KH ngày 21/12/2015; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Để triển khai thực hiện các Chương trình, Dự án và mua vaccine các loại tiêm phòng phòng chống dịch bệnh động vật năm 2016, yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí đối ứng của địa phương năm 2016 khi tham gia các Chương trình, dự án do Sở Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

|                       |                          |
|-----------------------|--------------------------|
| - Thành phố Quy Nhơn: | 1.234 triệu đồng         |
| - Huyện Hoài Nhơn:    | 5.807 triệu đồng         |
| - Huyện Hoài Ân:      | 559 triệu đồng           |
| - Huyện Phù Mỹ:       | 4.004 triệu đồng         |
| - Huyện Phù Cát:      | 3.636 triệu đồng         |
| - Thị xã An Nhơn:     | 4.817 triệu đồng         |
| - Huyện Tây Sơn:      | 6.810 triệu đồng         |
| - Huyện Tuy Phước:    | 3.552 triệu đồng         |
| <b>Tổng cộng:</b>     | <b>30.420 triệu đồng</b> |

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT làm việc với Sở Tài chính, thống nhất báo cáo UBND tỉnh về việc xin chủ trương cho các huyện, thị xã, thành phố sử dụng kinh phí ngân sách địa phương chi cho cán bộ hợp đồng trong giai đoạn hậu của Dự án Phát triển Ngành lâm nghiệp tỉnh Bình Định (WB3), Dự án Khôi phục và quản lý rừng bền vững tỉnh Bình Định (KfW6).

Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT Trần Thị Thu Hà;
- Sở KH&ĐT;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K13, K17 (19b)



# VỐN ĐỐI ỨNG VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2016

(Kèm theo Văn bản số 6136/UBND-KTN ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: triệu đồng

| TT  | Nội dung                                                                     | Tổng số       | Chia ra      |              |            |              |              |              |              |              |          |            |          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|--------------|------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|----------|------------|----------|
|     |                                                                              |               | Quy Nhơn     | Hoài Nhơn    | Hoài Ân    | Phù Mỹ       | Phù Cát      | An Nhơn      | Tây Sơn      | Tuy Phước    | Vân Canh | Vĩnh Thạnh | An Lão   |
|     | <b>Tổng số</b>                                                               | <b>30.420</b> | <b>1.234</b> | <b>5.807</b> | <b>559</b> | <b>4.004</b> | <b>3.636</b> | <b>4.817</b> | <b>6.810</b> | <b>3.552</b> | <b>0</b> | <b>0</b>   | <b>0</b> |
| I   | Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó BĐKH vùng đầm Thị Nại | 3.000         | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 3.000        | 0        | 0          | 0        |
| 1   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 0             | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| 2   | Bổ trí năm 2016                                                              | 3.000         | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 3.000        | 0        | 0          | 0        |
| II  | Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung    | 9.901         | 0            | 1.684        | 0          | 1.737        | 2.421        | 3.977        | 81           | 0            | 0        | 0          | 0        |
| 1   | Kiên cố kênh hồ Núi Một                                                      | 1.300         | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 1.300        | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| a   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 600           | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 600          | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| b   | Bổ trí năm 2016                                                              | 700           | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 700          | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| 2   | Kiên cố kênh đập Lại Giang                                                   | 1.684         | 0            | 1.684        | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| a   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 620           | 0            | 620          | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| b   | Bổ trí năm 2016                                                              | 1.064         | 0            | 1.064        | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| 3   | Sửa chữa nâng cấp hồ chứa Hội Khánh                                          | 1.737         | 0            | 0            | 0          | 1.737        | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| a   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 900           | 0            | 0            | 0          | 900          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| b   | Bổ trí năm 2016                                                              | 837           | 0            | 0            | 0          | 837          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| 4   | Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Mỹ Thuận                                      | 1.760         | 0            | 0            | 0          | 0            | 1.760        | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| a   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 540           | 0            | 0            | 0          | 0            | 540          | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| b   | Bổ trí năm 2016                                                              | 1.220         | 0            | 0            | 0          | 0            | 1.220        | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| 5   | Công trình phục vụ nông thôn mới Nhơn Thọ - Nhơn Khánh                       | 2.544         | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 2.544        | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| a   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 650           | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 650          | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| b   | Bổ trí năm 2016                                                              | 1.894         | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 1.894        | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| 6   | Kênh N24 - Hệ thống kênh tưới Văn Phong                                      | 875           | 0            | 0            | 0          | 0            | 661          | 133          | 81           | 0            | 0        | 0          | 0        |
| a   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 0             | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| b   | Bổ trí năm 2016                                                              | 875           | 0            | 0            | 0          | 0            | 661          | 133          | 81           | 0            | 0        | 0          | 0        |
| III | Dự án Hệ thống kênh Thượng Sơn                                               | 5.000         | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 0            | 5.000        | 0            | 0        | 0          | 0        |
| a   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 0             | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| b   | Bổ trí năm 2016                                                              | 5.000         | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 0            | 5.000        | 0            | 0        | 0          | 0        |
| IV  | Xây dựng cơ sở hạ tầng thủy sản Hoài Nhơn                                    | 685           | 0            | 685          | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| a   | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                            | 0             | 0            | 0            | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |
| b   | Bổ trí năm 2016                                                              | 685           | 0            | 685          | 0          | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            | 0        | 0          | 0        |

| TT   | Đơn vị                                                                              | Tổng số vốn đối ứng huyện, thị xã, thành phố năm 2016 | Chia ra  |           |         |        |         |         |         |           |                                   |            |        |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------|-----------|---------|--------|---------|---------|---------|-----------|-----------------------------------|------------|--------|
|      |                                                                                     |                                                       | Quy Nhơn | Hoài Nhơn | Hoài Ân | Phù Mỹ | Phù Cát | An Nhơn | Tây Sơn | Tuy Phước | Vân Canh                          | Vinh Thạnh | An Lão |
| V    | Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD)                           | 2.346                                                 | 1.000    | 0         | 0       | 836    | 510     | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| 1    | Nâng cấp cảng cá Đề Gi                                                              | 510                                                   | 0        | 0         | 0       | 0      | 510     | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 510                                                   | 0        | 0         | 0       | 0      | 510     | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     |                                                       | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| 2    | Bến cá Nhơn Lý                                                                      | 1.000                                                 | 1.000    | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 665                                                   | 665      | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     | 335                                                   | 335      | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| 3    | Bến cá Tân Phụng                                                                    | 743                                                   | 0        | 0         | 0       | 743    | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 610                                                   | 0        | 0         | 0       | 610    | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     | 133                                                   | 0        | 0         | 0       | 133    | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| 4    | Nâng cấp vùng nuôi Mỹ Chánh                                                         | 93                                                    | 0        | 0         | 0       | 93     | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 93                                                    | 0        | 0         | 0       | 93     | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     | 0                                                     | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| VI   | Dự án quản lý rủi ro thiên tai (WB5)                                                | 558                                                   | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 358     | 0       | 200       | 0                                 | 0          | 0      |
| 1    | Giai đoạn 1,2 - Hợp phần 3                                                          | 502                                                   | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 321     | 0       | 181       | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 0                                                     | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     | 502                                                   | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 321     | 0       | 181       | 0                                 | 0          | 0      |
| 2    | Giai đoạn 1 - Hợp phần 4: Tiểu dự án Nâng cấp chống xói mòn an toàn cho đê sông Kôn | 56                                                    | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 37      | 0       | 19        | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 0                                                     | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     | 56                                                    | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 37      | 0       | 19        | 0                                 | 0          | 0      |
| VII  | Dự án cấp nước sạch và VSMT nông thôn vùng miền Trung (ADB)                         | 4.002                                                 | 0        | 2.755     | 0       | 0      | 0       | 0       | 1.247   | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| 1    | Tiểu dự án Cấp nước Tây Giang - Tây Thuận                                           | 1.247                                                 | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 1.247   | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 1.247                                                 | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 1.247   | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     | 0                                                     | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| 2    | Tiểu dự án Cấp nước Đông Nam huyện Hoài Nhơn                                        | 2.755                                                 | 0        | 2.755     | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 550                                                   | 0        | 550       | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     | 2.205                                                 | 0        | 2.205     | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| VIII | Dự án cấp nước và vệ sinh - Đông Tây hội ngộ (Mỹ Chánh)                             | 860                                                   | 0        | 0         | 0       | 860    | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| a    | Bổ trí bổ sung các năm trước 2016                                                   | 0                                                     | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| b    | Bổ trí năm 2016                                                                     | 860                                                   | 0        | 0         | 0       | 860    | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
| IX   | Đối ứng để mua Vaccine các loại (tiêm phòng 02 đợt năm 2016)                        | 4.068                                                 | 234      | 683       | 559     | 571    | 705     | 482     | 482     | 352       | 0                                 | 0          | 0      |
|      | - Vaccine LMLM Trâu, bò                                                             | 2.243                                                 | 149      | 252       | 77      | 498    | 502     | 266     | 331     | 168       | Nguồn vaccine TW còn lại năm 2015 |            |        |
|      | - Vaccine LMLM heo                                                                  | 729                                                   | 30       | 164       | 223     | 21     | 70      | 89      | 43      | 89        |                                   |            |        |
|      | - Dịch tả heo                                                                       | 1.096                                                 | 55       | 267       | 259     | 52     | 133     | 127     | 108     | 95        |                                   |            |        |
|      | - Cúm gia cầm                                                                       | 0                                                     | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         |                                   |            |        |
|      | - Tụ huyết trùng                                                                    | 0                                                     | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
|      | - Công tiêm phòng miễn nui                                                          | 0                                                     | 0        | 0         | 0       | 0      | 0       | 0       | 0       | 0         | 0                                 | 0          | 0      |
|      | Bổ trí năm 2016                                                                     | 4.068                                                 | 234      | 683       | 559     | 571    | 705     | 482     | 482     | 352       | 0                                 | 0          | 0      |